

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 9 năm 2022**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 9 năm 2022 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 9 năm 2022, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

2. Nghị định số 61/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh;

3. Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

4. Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

5. Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải;

6. Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Tài khoản do Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử đến ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử như sau: Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Công dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Công dịch vụ công quốc gia.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

Cơ sở pháp lý: Luật Đầu tư năm 2020 quy định dịch vụ định danh và xác thực điện tử là ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại số thứ tự 131, phụ lục 4 Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện; tại khoản 3, khoản 8 Điều 7 Luật Đầu tư giao Chính phủ quy định chi tiết việc công bố và kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện; việc quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định trong Nghị định của Chính phủ.

Đồng thời, theo khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì Chính phủ ban hành Nghị định để quy định chi tiết nội dung được giao trong luật và quy định các biện pháp để tổ chức thi hành luật.

Trong thời gian qua, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều nghị định tương tự quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ như Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn; Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài...

Ngày 08/10/2021, tại Nghị quyết số 127/NQ-CP của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2021 trực tuyến toàn quốc với địa

phương về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng năm 2021 trong đó có nội dung giao Bộ Công an chủ trì xây dựng, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử.

Do vậy, việc ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử là bảo đảm cơ sở pháp lý.

Cơ sở thực tiễn: Ngày 08/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, tại Quyết định này cũng đã quy định một số nội dung cơ bản về định danh và xác thực điện tử đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

Triển khai thực hiện Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg, Bộ Công an xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử để phục vụ cấp tài khoản định danh cho công dân Việt Nam và người nước ngoài. Đến nay, Bộ Công an đã triển khai thu nhận được khoảng trên 4.700.000 hồ sơ định danh điện tử. Tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg còn một số hạn chế cụ thể như sau:

(1) Phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg mới chỉ quy định về định danh và xác thực điện tử đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam. Chưa quy định về định danh và xác thực điện tử đối với các tổ chức.

(2) Danh tính điện tử phục vụ để định danh chủ thể đồng thời phục vụ chia sẻ danh tính giải quyết các thủ tục trên môi trường điện tử. Tuy nhiên, theo Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg, các trường thông tin thuộc các danh tính điện tử của công dân Việt Nam cũng như danh tính điện tử của người nước ngoài chưa đầy đủ. Đối với người nước ngoài, hiện nay trong Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg chưa có quy định trường thông tin duy nhất để phục vụ định danh và làm khóa khi thực hiện kết nối giữa các hệ thống để xác thực thông tin.

(3) Quy định mức độ tài khoản định danh điện tử của Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg quy định mức độ 1 được tạo lập khi các trường thông tin cá nhân kê khai được so sánh, đối chiếu trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (đối với người Việt Nam) và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh (đối với người nước ngoài). Với quy định như vậy, công dân rất dễ bị giả mạo, đánh cắp danh tính và xảy ra các trường hợp lợi dụng danh tính để lừa đảo trên môi trường điện tử.

(4) Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 thì việc sử dụng tài khoản định danh điện tử với các mục tiêu cắt giảm thủ tục hành chính, giấy tờ công dân, hướng tới phát triển nền tảng định danh và xác thực điện tử để kết nối các tổ chức, cá nhân nhằm phát triển nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, tuy nhiên trong Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg chưa có quy định các nội dung này. Bên cạnh đó, việc triển khai các dịch vụ xác thực điện tử, trách nhiệm, quyền các bên cung cấp dịch vụ cũng như sử dụng dịch vụ cũng chưa được quy định cụ thể tại Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg.

Bên cạnh đó, việc xây dựng Chính phủ điện tử, phát triển việc cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến để thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang được Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương đặc biệt quan tâm; trong đó, tính bảo mật an toàn thông tin luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi người dân và doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch điện tử, trong đó bao gồm dịch vụ công trực tuyến do cơ quan nhà nước cung cấp và các giao dịch khác trên môi trường điện tử. Tuy nhiên, việc định danh và xác thực cá nhân khi thực hiện các giao dịch ngoài đời thực chủ yếu dựa trên một số giấy tờ nhân thân đã được quy định như Chứng minh nhân dân, thẻ Căn cước công dân, hộ chiếu. Trong khi đó, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử hiện nay cũng chưa có cơ chế để định danh, xác thực thông tin người dùng bảo đảm tính chính xác, đồng nhất, có kiểm chứng; điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến.

Mặt khác, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước nói chung và phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội là rất cấp thiết. Bên cạnh đó, việc ứng dụng định danh và xác thực điện tử đối với cá nhân còn đáp ứng yêu cầu quản lý đối với giao dịch điện tử trên môi trường điện tử nhằm hạn chế hoạt động lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín gây mất an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Từ ngày 01/7/2021, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã chính thức được đưa vào sử dụng, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cũng đang đồng loạt triển khai xây dựng, đây là cơ sở quan trọng để làm nền tảng cho việc định danh và xác thực điện tử.

Do vậy, cần thiết phải hoàn thiện ngay cơ sở pháp lý về định danh và xác thực điện tử để đáp ứng các yêu cầu:

(1) Tăng cường hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; hạn chế việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp (giảm chi

phí, thời gian thực hiện; đảm bảo yêu cầu giãn cách, phòng chống dịch bệnh...); giảm giấy tờ, tài liệu, thông tin cần khai báo khi thực hiện thủ tục hành chính.

(2) Bảo đảm thực hiện việc định danh, xác thực điện tử ứng dụng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng; phục vụ phòng, chống dịch bệnh; an sinh xã hội; quản lý có hiệu quả các giao dịch điện tử trên môi trường điện tử.

(3) Tiết kiệm chi phí, thời gian trong xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp.

Từ những căn cứ trên, việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử là hết sức cần thiết.

- Mục đích ban hành

+ Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch trên môi trường điện tử, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn thông tin;

+ Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT thời gian qua; hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về chuyển đổi số hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

c) Nội dung chủ yếu:

- Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về danh tính điện tử, định danh điện tử, xác thực điện tử; dịch vụ xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

- Về danh tính điện tử:

+ Danh tính điện tử của công dân Việt Nam gồm: Số định danh cá nhân; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; thông tin sinh trắc học (ảnh chân dung và vân tay).

+ Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm: Số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; thông tin sinh trắc học (ảnh chân dung và vân tay).

+ Danh tính điện tử của tổ chức gồm: Mã định danh điện tử của tổ chức; tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); ngày, tháng, năm thành lập; địa chỉ trụ sở chính; số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

- Về định danh điện tử:

+ Nghị định quy định 02 nhóm chủ thể được tạo lập tài khoản định danh, một là cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử Bộ Công an, cơ quan này được thực hiện tạo lập tài khoản định danh điện tử cho tổ chức, cá nhân để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Hai là, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được tạo lập tài khoản cho cá nhân, tổ chức để sử dụng cho hoạt động của mình.

+ Đối tượng được đăng ký tài khoản định danh điện tử: Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; đối với công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ. Người nước ngoài từ đủ 14 tuổi trở lên nhập cảnh, cư trú hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; đối với người nước ngoài là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

+ Mức độ tài khoản định danh điện tử: Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam là tài khoản được tạo lập bởi thông tin danh tính điện tử quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định. Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của người nước ngoài là tài khoản được tạo lập bởi thông tin danh tính điện tử quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định. Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của cá nhân là tài khoản được tạo lập bởi các thông tin danh tính điện tử quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định. Tài khoản định danh điện tử của tổ chức được tạo lập bởi thông tin danh tính điện tử quy định tại Điều 9 Nghị định là tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

+ Sử dụng tài khoản định danh điện tử: Tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Tài khoản do Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh đã tạo lập được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công

trên môi trường điện tử đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2024. Các tổ chức, cá nhân được tạo lập tài khoản cho chủ thẻ danh tính điện tử để phục vụ cho hoạt động của tổ chức, cá nhân mình và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài khoản định danh do mình tạo lập.

+ Giá trị sử dụng tài khoản định danh điện tử: Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của người nước ngoài có giá trị tương đương như việc sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của người nước ngoài được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc giao cho người được ủy quyền sử dụng. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị chứng minh danh tính điện tử của tổ chức khi thực hiện giao dịch có yêu cầu chứng minh thông tin về tổ chức đó; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của tổ chức được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó. Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trong các hoạt động giao dịch điện tử thì có giá trị tương đương với việc xuất trình giấy tờ, tài liệu để chứng minh thông tin đã cung cấp.

+ Thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử: Tổ chức, cá nhân có thể thực hiện việc đăng ký tài khoản định danh điện tử qua ứng dụng VNeID hoặc đến cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử.

+ Lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử: Hệ thống định danh và xác thực điện tử sẽ lưu trữ thông tin đăng ký tài khoản định danh điện tử, thông tin về việc sử dụng tài khoản hoặc thông tin giao dịch của tài khoản.

- Về xác thực điện tử

+ Về xác thực điện tử: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức thực hiện

dịch vụ công được xác thực thông tin của chủ thể danh tính điện tử, xác thực tài khoản định danh điện tử qua cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống định danh và xác thực điện tử. Cá nhân, tổ chức không thuộc đối tượng nêu trên được xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để xác thực tài khoản đó do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập và có giá trị sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử chỉ thực hiện xác thực tài khoản định danh điện tử khi được cá nhân, tổ chức là chủ tài khoản định danh điện tử đồng ý. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử không xác thực thông tin danh tính chủ thể và thông tin khác của chủ thể tài khoản định danh điện tử.

+ Về mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử: Nghị định quy định có 04 mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử từ mức độ 1 đến mức độ 4.

- Về dịch vụ xác thực điện tử

Dịch vụ xác thực điện tử là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp trong Công an nhân dân đáp ứng điều kiện về tổ chức, điều kiện về nhân sự, điều kiện về kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự và được Bộ Công an cấp giấy xác nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo quy định.

- Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

Nghị định cũng quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Quy định về hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành.

2. Nghị định số 61/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 12/9/2022; thay thế Nghị định số 18/2018/NĐ-CP ngày/02/02/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân công, tạo cơ sở pháp lý để Ban Quản lý Lăng tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn cơ cấu tổ chức và tổ chức bên trong của tổ

chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý Lăng.

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và pháp luật của Nhà nước về tổ chức, bộ máy, nhất là pháp luật về tổ chức Chính phủ, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: *“Giữ gìn lâu dài, bảo vệ tuyệt đối an toàn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh và phát huy ý nghĩa chính trị, văn hóa của Công trình Lăng trong giai đoạn mới”*.

c) Nội dung chủ yếu:

- Nghị định có 05 Điều, quy định: Vị trí và chức năng (Điều 1); Nhiệm vụ và quyền hạn (Điều 2); Cơ cấu tổ chức (Điều 3); Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Ban Quản lý Lăng (Điều 4) và Hiệu lực, trách nhiệm thi hành (Điều 5).

- Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 18/2018/NĐ-CP; cập nhật, bổ sung các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Lăng bảo đảm phù hợp với các quy định đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao Ban Quản lý Lăng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định số 63/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2022 và thay thế Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

Quy định chuyển tiếp:

- Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia.

- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị.

- Vụ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Vụ Tổng hợp tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện xong việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp nhân sự của đơn vị theo Đề án sắp xếp, kiện toàn các Vụ thuộc Bộ Nội vụ kèm theo Tờ trình số 3500/TTr-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2022.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành Nghị định

+ Cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý:

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP.

+ Cơ sở thực tiễn:

Sau 05 năm thực hiện Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, Bộ Nội vụ cơ bản thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện tốt chủ trương của Đảng về mô hình tổ chức Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ được tổ chức tinh gọn, bao quát đầy đủ chức năng, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước và thực hiện cung ứng dịch vụ công theo nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị định số 34/2017/NĐ-CP còn có những bất cập, hạn chế, đòi hỏi cần thiết phải xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Về nhiệm vụ, quyền hạn: Bộ Nội vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, một số nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phân công cho cơ quan khác thực hiện nhưng chưa được cập nhật, bổ sung vào Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

Về cơ cấu tổ chức: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW khóa XII, gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ.

Để thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân công; khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức của Bộ và tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, việc Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ (thay thế Nghị định số 34/2017/NĐ-CP) là cần thiết.

- Mục đích ban hành Nghị định

Quy định đầy đủ, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, không bỏ sót nhiệm vụ; không trùng lặp, chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành khác.

Tiếp tục thực hiện đầy mạnh phân cấp, phân quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, hướng đến tập trung thực hiện chức năng quản lý vĩ mô và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Xây dựng cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, làm căn cứ để tiếp tục sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị định số 63/2022/NĐ-CP gồm 06 Điều, trong đó: Điều 1 quy định về vị trí, chức năng; Điều 2 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn; Điều 3 quy định về cơ cấu tổ chức; Điều 4 quy định về điều khoản chuyển tiếp; Điều 5 quy định về hiệu lực thi hành; Điều 6 quy định về trách nhiệm thi hành.

- Về vị trí, chức năng: Cơ bản kế thừa quy định về vị trí, chức năng tại Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, đồng thời có sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung chức năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, để phù hợp với quy định tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Sửa đổi cụm từ “cán bộ, công chức, viên chức nhà nước” thành: “cán bộ, công chức, viên chức và công vụ” để phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Theo đó, bỏ cụm từ “đào tạo,

bồi dưỡng về chuyên ngành hành chính và quản lý nhà nước”, vì nội dung này thuộc nội hàm của nhiệm vụ quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, vị trí, chức năng của Bộ Nội vụ tại Nghị định số 63/2022/NĐ-CP như sau: “Bộ Nội vụ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; tín ngưỡng, tôn giáo; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên và quản lý nhà nước đối với các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ theo quy định của pháp luật”.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn: Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nội vụ theo từng ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và theo phân công, phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

+ Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, đồng thời tập trung phân cấp triệt để các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.

+ Bổ sung một số nhiệm vụ của Bộ Nội vụ để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành và phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Điều chỉnh một số nhiệm vụ giữa Bộ Nội vụ với một số bộ, ngành, bảo đảm phù hợp với quá trình thực hiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phù hợp với phân công của Chính phủ.

- Về cơ cấu tổ chức:

+ Về số lượng đơn vị: So với Nghị định số 34/2017/NĐ-CP, Bộ Nội vụ giảm 03 đơn vị (từ 23 đơn vị xuống còn 20 đơn vị), bao gồm: Giảm 02 Vụ thuộc Bộ và giảm 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

+ Tổ chức lại 02 cơ quan tương đương tổng cục (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ) thành 02 cơ quan tương đương Cục thuộc Bộ (Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 02 đơn vị này).

+ Cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ gồm: 03 Cục và tương đương; 11 Vụ; Văn phòng Bộ; Thanh tra Bộ; 04 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

- Về điều khoản chuyển tiếp: Quy định điều khoản chuyển tiếp để các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ tiếp tục ổn định tổ chức và hoạt động cho đến khi cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị hoặc đến khi cấp có thẩm quyền thực hiện xong việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp nhân sự của đơn vị theo Đề án đã trình Chính phủ.

4. Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

- Bãi bỏ Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.

- Hồ sơ các thủ tục hành chính đã gửi đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2015/NĐ-CP; Nghị định số 07/2019/NĐ-CP; Nghị định số 92/2016/NĐ-CP; Nghị định số 89/2019/NĐ-CP; Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

Ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1977/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP về Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2021, theo đó tại Nghị quyết số 03/NQ-CP Chính phủ đã giao các bộ, ngành, địa phương Tập trung chỉ đạo, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh đã được phê duyệt theo nguyên tắc một văn bản sửa nhiều văn bản và theo trình tự, thủ tục rút gọn; chậm nhất trong 6 tháng đầu năm 2022 phải hoàn thành đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ”.

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng trình Chính phủ. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự thủ tục rút gọn để sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định gồm:

(1) Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019).

(2) Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019).

(3) Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định là để cắt giảm, đơn giản hóa một số điều kiện kinh doanh, quy định của thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính. Do đó, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Nghị định để thực hiện theo chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 Ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 nhằm cắt giảm, đơn giản hóa một số điều kiện kinh doanh, quy định của thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu:

Bố cục: Dự thảo Nghị định gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐCP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐCP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐCP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Nội dung cơ bản của Nghị định

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay

* Sửa đổi theo hướng số hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử, để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 15 thủ tục hành chính, trong đó:

- 04 thủ tục hành chính nằm trong phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021, gồm:

(1) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay (khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 19 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(2) Đăng ký văn bản IDERA (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 23 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(3) Xóa đăng ký văn bản IDERA (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 24 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(4) Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDER (Điều 27 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

- 11 thủ tục hành chính không nằm trong phương án được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021, gồm:

(1) Cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay (khoản 1, 2, 4 Điều 26 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(2) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tàu bay (khoản 1, 2, 5 Điều 15 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(3) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay (khoản 1, 2, 5 Điều 16 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(4) Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay (khoản 1, 2 Điều 21 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(5) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay (khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 17 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(6) Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay (khoản 1, khoản 2 Điều 20 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(7) Cấp mã số AEP (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 22 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(8) Đăng ký tàu bay quốc tịch Việt Nam (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 5 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(9) Đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam (khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 6 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(10) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay (khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 7 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

(11) Xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam (khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 9 Nghị định 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015)

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Ngày 07/3/2019 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025 (sau đây gọi là Nghị quyết số 17/NQ-CP), trong đó đề ra mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 “*Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia*”.

Ngày 15/7/2021 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2023 (sau đây gọi là Nghị quyết số 76/NQ-CP), trong đó đề ra mục tiêu đến năm 2025 phải đạt “*Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%*”.

Ngày 12/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 (sau đây gọi là Nghị quyết số 68/NQ-CP), trong đó đề ra mục tiêu “*Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 được các bộ, cơ quan thống kê, tính chi phí tuân thủ và công bố lần đầu (trước ngày 31/10/2020)*”.

Vì vậy, ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg, Bộ Giao thông vận

tải đề xuất sửa đổi 11 thủ tục hành chính này tại dự thảo Nghị định này nhằm đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo mục tiêu mà Nghị quyết số 17/NQ-CP và Nghị quyết số 76/NQ-CP, Nghị quyết số 68/NĐ-CP đề ra. Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính này tại dự thảo Nghị định cũng tránh việc phải sửa nhiều lần cùng một văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, mặc dù dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự thủ tục rút gọn, tuy nhiên xác định các nội dung sửa đổi, bổ sung có tác động đến người dân, doanh nghiệp do đó Bộ Giao thông vận tải đã lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; đăng tải lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải; đánh giá thủ tục hành chính đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP và đánh giá tác động chính sách đối với dự thảo Nghị định.

Từ những lý do trên, Bộ Giao thông vận tải báo cáo và đề xuất Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung 11 thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định theo hướng số hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

* Chuyển các nội dung Nghị định Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18/8/2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (sau đây gọi là Nghị định số 07/2019/NĐ-CP) vào Nghị định, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 07/2019/NĐ-CP để đảm bảo thuận lợi cho việc áp dụng cũng như việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng

* Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo hướng đơn giản hóa điều kiện về vốn tối thiểu đối với doanh nghiệp cảng hàng không khi cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Hiện nay, Doanh nghiệp cảng hàng không đều thực hiện cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga, kho hàng hóa tại các cảng hàng không, sân

bay: Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam (ACV) cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách tại 21 Cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ nhà ga, kho hàng hóa tại 2 Cảng hàng không, sân bay; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vân Đồn (VDO) cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách tại 01 Cảng hàng không, sân bay. Ngoài ra, chỉ có 2 doanh nghiệp khác được cung cấp dịch vụ nhà ga hành khách (là Công ty cổ phần đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng (AHT) tại Cảng hàng không Đà Nẵng và Công ty cổ phần nhà ga quốc tế Cam Ranh (CRTC) tại Cảng hàng không Cam Ranh); 7 doanh nghiệp khác được cung cấp dịch vụ này tại Cảng hàng không Tân Sơn Nhất và Nội Bài).

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam thì một trong các điều kiện mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không là phải đáp ứng điều kiện về vốn theo quy định của Chính phủ. Theo đó, tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP) quy định: *“Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: (a) Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam; (b) Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam; (c) Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.”*

Bên cạnh đó, tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP) quy định: *“mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không: 100 tỷ đồng Việt Nam”*.

Như vậy, theo quy định tại Nghị định số 92/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP) thì khi doanh nghiệp cảng cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện về mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp: 30 tỷ đồng Việt Nam. Trong khi, doanh nghiệp cảng hàng không đã phải đáp ứng mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không: 100 tỷ đồng Việt Nam (mức vốn này đã gấp 03 lần mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp cảng thực hiện thủ tục hành chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay, linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp, dự thảo Nghị định đã chỉnh sửa theo hướng Doanh nghiệp cảng hàng không cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa không phải đáp ứng quy định về vốn tối thiểu để kinh doanh dịch vụ hàng không. Việc sửa đổi

này cũng đảm bảo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 65 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và cũng đảm bảo thực thi phương án đơn giản hóa được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg.

* Sửa đổi thành phần hồ sơ, các thức nộp hồ sơ, trả kết quả để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, đồng thời đơn giản hóa thành phần hồ sơ đối với 2 thủ tục hành chính, bao gồm:

- Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (Điều 16; Điều 18 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)

- Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (khoản 2 Điều 19 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)

* Sửa đổi để giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 20 ngày đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng (Điều 27 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016)

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

* Sửa đổi theo hướng số hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử, để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 18 thủ tục hành chính, trong đó:

- 02 thủ tục hành chính nằm trong phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021, gồm:

(1) Cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không (khoản 4 Điều 57 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(2) Cấp giấy phép kinh doanh cảng hàng không (khoản 1 Điều 57 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

- 16 thủ tục hành chính không nằm trong phương án được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021, gồm:

(1) Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay (khoản 1 Điều 55 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(2) Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay (khoản 1, khoản 2 Điều 52 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(3) Sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không sân bay (khoản 6 Điều 55 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(4) Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay (khoản 1 Điều 59 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(5) Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay (khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 59 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(6) Cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay (khoản 7 Điều 59 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(7) Sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay (khoản 2 Điều 56 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(8) Sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình (khoản 9 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(9) Thủ tục quyết định đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác (khoản 4 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(10) Thủ tục chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay (khoản 5 Điều 50 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(11) Cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (khoản 1 Điều 52 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(12) Sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (khoản 2 Điều 53 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(13) Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng (khoản 1 Điều 43 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(14) Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không (khoản 2 Điều 45 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(15) Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay (khoản 5 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

(16) Phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư (khoản 4 Điều 49 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021)

Lý do sửa đổi, bổ sung:

Ngày 07/3/2019 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025, trong đó đề ra mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 *“Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các bộ, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia”*.

Ngày 15/7/2021 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2023, trong đó đề ra mục tiêu đến năm 2025 phải đạt *“Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.”*.

Ngày 12/5/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, trong đó đề ra mục tiêu *“Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020 được các bộ, cơ quan thống kê, tính chi phí tuân thủ và công bố lần đầu (trước ngày 31/10/2020)”*.

Vì vậy, ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được phê duyệt tại Quyết định số 1977/QĐ-TTg, Bộ Giao thông vận tải đề xuất sửa đổi 16 thủ tục hành chính này tại dự thảo Nghị định này nhằm đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo mục tiêu mà Nghị quyết số 17/NQ-CP và Nghị quyết số 76/NQ-CP, Nghị quyết số 68/NĐ-CP đề ra. Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính này tại dự thảo Nghị định cũng tránh việc phải sửa nhiều lần cùng một văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, mặc dù dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự thủ tục rút gọn, tuy nhiên xác định các nội dung sửa đổi, bổ sung có tác động đến người dân, doanh nghiệp do đó Bộ Giao thông vận tải đã lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; đăng tải lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải; đánh giá thủ tục hành

chính đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP và đánh giá tác động chính sách đối với dự thảo Nghị định.

Từ những lý do trên, Bộ Giao thông vận tải báo cáo và đề xuất Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung 16 thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định theo hướng số hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

* Sửa đổi theo hướng giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 45 ngày xuống 30 ngày đối với thủ tục phê duyệt bản vẽ tổng mặt bằng trong phạm vi ranh giới dự án được giao đầu tư (khoản 4 Điều 49 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021).

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Danh mục phụ lục kèm theo: Nghị định bao gồm 03 Phụ lục kèm theo, cụ thể như sau:

- Phụ lục I: Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận/sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin.
- Phụ lục II: Tờ khai cấp/cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
- Phụ lục III: Biểu mẫu Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

5. Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành

Ngày 24/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1977/QĐ-TTg Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP về Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2021, theo đó tại Nghị quyết số 03/NQ-CP Chính phủ đã giao các bộ, ngành, địa phương *Tập trung chỉ đạo, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình*

cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh đã được phê duyệt theo nguyên tắc một văn bản sửa nhiều văn bản và theo trình tự, thủ tục rút gọn; chậm nhất trong 6 tháng đầu năm 2022 phải hoàn thành đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ”.

Để thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo trình tự thủ tục rút gọn để sửa đổi, bổ sung 06 Nghị định gồm: Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018, Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017, Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017.

Những nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định là để cắt giảm, đơn giản hóa một số điều kiện kinh doanh, quy định của thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính. Do đó, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải là cần thiết.

- Mục đích ban hành

Việc xây dựng dự thảo Nghị định để thực hiện theo chủ trương của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 nhằm cắt giảm, đơn giản hóa một số điều kiện kinh doanh, quy định của thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu:

Bố cục: Dự thảo Nghị định gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn

hàng hải: sửa đổi điều kiện tại Điều 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 14, 16, 19 và 01 thủ tục hành chính tại Điều 19 của Nghị định.

- Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển: sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính tại khoản 1, khoản 3 Điều 10 và khoản 2, khoản 4 Điều 11 của Nghị định; sửa đổi nội dung tài liệu kèm theo tại Mẫu số 01 Phụ lục các mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển.

- Điều 3: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải: sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính tại khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 của Nghị định.

- Điều 4: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam của quản lý hoạt động hàng hải: sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính tại khoản 1, khoản 3 Điều 6; khoản 4 Điều 7; khoản 5 Điều 13; khoản 1, khoản 4 Điều 14; khoản 2 Điều 17; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 25; khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 41 và khoản 3 Điều 75 của Nghị định.

- Điều 5: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam: sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13

- Điều 6. Hiệu lực thi hành.

Nội dung cơ bản của Nghị định

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021, theo đó sẽ cắt giảm, đơn giản hóa 09 yêu cầu, điều kiện và 05 thủ tục hành chính tại 06 Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, cụ thể:

- Sửa 09 Điều tại Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 theo hướng giảm số năm kinh nghiệm của người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải từ 05 năm xuống 03 năm và bãi bỏ 9 khoản tại Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 để phù hợp với các nội dung đã được sửa đổi tại Nghị định số 70/2016/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung một số Điều, khoản, điểm tại 04 Nghị định để sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính theo hướng bổ sung thành phần hồ sơ gồm bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính và giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc hoặc từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

Đồng thời, do hiện nay trong lĩnh vực hàng hải đang triển khai cung cấp 42 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Do đó, tại dự thảo Nghị định, ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung theo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg, Bộ Giao thông vận tải đề xuất sửa đổi, bổ sung thêm một số Điều, khoản, điểm tại 06 Nghị định (sửa đổi, bổ sung 15 Điều, khoản, điểm) để sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục hành chính theo hướng: bổ sung hình thức nộp hồ sơ gồm bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính; bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Danh mục phụ lục kèm theo: Nghị định bao gồm Phụ lục quy định về mẫu tờ khai cấp/cấp lại giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

6. Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ

a) Hiệu lực thi hành:

- Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

- Nghị định này bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Điều khoản chuyển tiếp

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp lại Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; cấp đổi Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn

giao thông đường bộ) đã gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021);

+ Giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên Giấy chấp thuận, Chứng chỉ;

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy phép đào tạo lái xe ô tô, Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP Ngày 12/5/2020, Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; trong đó, có các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ về dịch vụ đào tạo lái xe ô tô, dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Để hoàn thiện cơ sở pháp lý, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an toàn giao thông đường bộ theo chỉ đạo nêu trên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc xây dựng Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Bố cục: Nghị định gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Điều 3. Điều khoản thi hành.

Nội dung cơ bản của Nghị định

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục: cấp giấy chấp thuận, cấp lại giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông; thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông;

- Cắt giảm, đơn giản hóa một số một số thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính, như: bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật” trong thủ tục Chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chấp thuận cũ, đối với trường hợp bị hư hỏng” trong thủ tục cấp lại giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; bãi bỏ thành phần hồ sơ “Chứng chỉ cũ, đối với trường hợp bị hư hỏng” đối với thủ tục cấp lại Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe

Dự thảo Nghị định đã thực hiện sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP theo hướng “xe tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo” và bãi bỏ quy định “có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E,...).

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Danh mục phụ lục kèm theo: Nghị định bao gồm 07 phụ lục kèm theo, cụ thể như sau:

- Phụ lục I: mẫu giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

- Phụ lục II: mẫu chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

- Phụ lục III: mẫu tờ trình cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

- Phụ lục VI: mẫu đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

- Phụ lục V: mẫu bản khai kinh nghiệm công tác (xin cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ)

- Phụ lục VI: mẫu công văn đề nghị chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

- Phụ lục VII: mẫu công văn đề nghị cấp lại giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 9 năm 2022, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (TT).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Quốc Hoàn